

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Sắt (III) Clorua – Ferric Chloride

Mã CAS: 7705-08-0

### MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Sắt (III) clorua
- Tên khác:** Ferric chloride, Iron(III) chloride
- Công thức phân tử:** FeCl<sub>3</sub>
- Sử dụng đã định:** Dùng trong xử lý nước, ngành mạ, phân tích hóa học, tổng hợp hóa chất
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
  - Tên công ty:** Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
  - MST:** 0314051291
  - Địa chỉ:** 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
  - SĐT khẩn cấp:** 0909.907.861 (giờ hành chính)

### MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
  - Ăn mòn kim loại – Nhóm 1
  - Ăn mòn da – Nhóm 1B
  - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng – Nhóm 1
  - Gây độc tính cấp tính (nuốt phải) – Nhóm 4
- Từ cảnh báo:** NGUY HIỂM
- Câu cảnh báo nguy hại:**
  - H290: Có thể ăn mòn kim loại
  - H302: Có hại nếu nuốt phải
  - H314: Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt
- Câu phòng ngừa:**
  - P234: Bảo quản trong bao bì gốc
  - P280: Đeo găng tay, kính, và đồ bảo hộ phù hợp
  - P301+P330+P331: Nếu nuốt phải, xúc miệng, không gây nôn
  - P305+P351+P338: Nếu dính vào mắt, rửa nhiều nước, đến cơ sở y tế

### MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Thành phần:** Sắt (III) clorua – FeCl<sub>3</sub>
- Nồng độ:** ≥ 95%
- Mã CAS:** 7705-08-0

### MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa kỹ bằng nước trong ít nhất 15 phút
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt bằng nước sạch liên tục, đến cơ sở y tế ngay
- Nuốt phải:** Xúc miệng, không gây nôn, đến cơ sở y tế

### MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Tính dễ cháy:** Không cháy
- Chất chữa cháy phù hợp:** Nước, bọt, CO<sub>2</sub>, bột khô
- Sản phẩm cháy nguy hiểm:** Khí HCl độc hại khi phân hủy nhiệt
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ lọc khí, quần áo chịu axit

### MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Tránh tiếp xúc, đeo khẩu trang, găng tay cao su

- **Biện pháp môi trường:** Tránh để rò rỉ vào cống thoát nước
- **Phương pháp làm sạch:** Hút chân không hoặc quét, thu gom vào thùng kín

---

#### MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Ở nơi thông thoáng, tránh tiếp xúc trực tiếp
- **Bảo quản:** Trong bao bì kín, nơi khô ráo, tránh kim loại và độ ẩm
- **Không tương thích:** Kiềm, kim loại, chất dễ cháy, nước (với dạng khan)

---

#### MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (TWA – OSHA):** 1 mg/m<sup>3</sup> (Fe, bụi hô hấp)
- **Trang bị bảo hộ:**
  - **Hô hấp:** Mặt nạ chống bụi/khí độc
  - **Tay:** Găng tay chống hóa chất
  - **Mắt:** Kính an toàn chống hóa chất
  - **Da:** Quần áo bảo hộ không thấm

---

#### MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn (kết tinh) hoặc dung dịch nâu
- **Màu sắc:** Vàng nâu
- **Mùi:** Hăng, có mùi axit clohidric nhẹ
- **Tỷ trọng:** ~2.9 g/cm<sup>3</sup> (rắn)
- **Điểm nóng chảy:** 307°C
- **Độ tan trong nước:** Rất tan, tạo dung dịch axit mạnh
- **pH:** ~1–2 (dung dịch)

---

#### MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Tính ổn định:** Ổn định khi bảo quản đúng
- **Phản ứng nguy hiểm:** Phản ứng với nước (dạng khan), kiềm mạnh
- **Sản phẩm phân hủy:** HCl, khí độc khác nếu đun nóng

---

#### MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, qua đường miệng):** ~450 mg/kg
- **Tác động:** Kích ứng mạnh da, mắt, niêm mạc hô hấp
- **Tiếp xúc lâu dài:** Gây viêm loét, tổn thương mô

---

#### MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính thủy sinh:** Có thể gây hại nếu xả thải lượng lớn
- **Phân hủy sinh học:** Không phân hủy sinh học
- **Khả năng tích tụ:** Thấp, nhưng ảnh hưởng pH nước


---

#### MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Chất thải:** Thu gom, trung hòa nếu cần, xử lý theo quy định
- **Bao bì:** Không được tái sử dụng nếu nhiễm bẩn

---

#### MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **Tên vận chuyển quốc tế:** Ferric chloride, anhydrous (UN 1773) hoặc solution (UN 2582)
- **Nhóm đóng gói:** II
- **Mức nguy hiểm:** 8 (chất ăn mòn)
- **Biển cảnh báo:**  Corrosive

---

#### MỤC 15: THÔNG TIN PHÁP LÝ

- **Quy định tại Việt Nam:** Có trong danh mục hóa chất quản lý theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP
  - **Quốc tế:** Có mặt trong danh sách REACH, TSCA
- 

#### **MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC**

- **Ngày soạn SDS:** 07/07/2025
- **Tài liệu tham khảo:** GHS, NIOSH, Merck Index, MSDS Sigma-Aldrich
- **Khuyến nghị:** Chỉ sử dụng bởi người đã được đào tạo xử lý hóa chất nguy hiểm
- Ghi chú:
  - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
  - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
  - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế